



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 201

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG
BÌNH DƯƠNG**



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 33
8. Phụ lục	34 - 37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 300.000.000.000 VND

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là BCE.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 222 0 888
Fax : (84 – 650) 222 0 886
E-mail : info@becamexbce.com.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 0 8 9 9 2

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Lắp đặt cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng, kinh doanh bất động sản;
- Môi giới bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng;
- Thiết kế quy hoạch chi tiết;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ);
- Thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp từ 35KV trở xuống;
- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp ;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất (trừ thiết kế).



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014 như sau:

	VND
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (04% lợi nhuận sau thuế)	1.882.216.920
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (01% lợi nhuận sau thuế)	470.554.230
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (06% lợi nhuận sau thuế)	2.823.325.381
- Chia cổ tức (13% vốn điều lệ)	39.000.000.000
- Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	720.000.000
Cộng	44.896.096.531

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Văn Minh	Chủ tịch	19 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Kim Tiên	Phó Chủ tịch	19 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lê Tuấn Dũ	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-
Bà Hồ Minh Diễm Thúy	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	19 tháng 4 năm 2012	25 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2014	-
Bà Phạm Việt Yên	Thành viên	19 tháng 4 năm 2012	-
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2014	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám đốc	12 tháng 12 năm 2002	-
Ông Lý Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-
Ông Lê Văn Cọp	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 3 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

044887
ÔNG T
NHIỆM HỮ
TOÁN VÀ T
A & C
H-T.P.H.C

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đỗ Văn Minh
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0331/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		834.512.327.548	703.568.683.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.660.901.245	28.879.047.461
1. Tiền	111		18.360.901.245	13.579.047.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	15.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.713.781.536	306.322.559.246
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	395.728.311.160	296.803.334.583
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	237.596.163	7.005.121.242
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.747.874.213	2.514.103.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		413.278.150.980	366.691.148.637
1. Hàng tồn kho	141	V.5	413.278.150.980	366.691.148.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		859.493.787	1.675.928.332
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	814.980.674	1.329.017.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	44.513.113	346.910.664
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		115.571.644.131	63.617.766.304
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		91.783.662.000	35.422.645.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.7	91.783.662.000	35.422.645.000
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.145.674.553	21.382.906.297
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.440.788.907	16.565.776.863
<i>Nguyên giá</i>	222		47.947.963.068	49.612.946.817
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35.507.174.161)	(33.047.169.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.704.885.646	4.817.129.434
<i>Nguyên giá</i>	228		5.561.577.811	5.596.577.811
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(856.692.165)	(779.448.377)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.642.307.578	4.812.215.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.995.092.578	4.165.000.007
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	647.215.000	647.215.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		950.083.971.679	767.186.449.980

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		599.187.209.309	395.169.101.350
I. Nợ ngắn hạn	310		599.187.209.309	395.169.101.350
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	155.049.973.786	109.753.643.145
2. Phải trả người bán	312	V.14	132.085.199.592	179.144.633.002
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	125.573.963.564	70.889.575.794
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.545.479.586	19.997.974.258
5. Phải trả người lao động	315	V.17	1.654.864.903	2.412.941.342
6. Chi phí phải trả	316	V.18	173.581.582.249	1.606.358.907
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	4.589.122.253	5.498.443.198
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.20	42.126.245	5.850.507.082
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	64.897.131	15.024.622
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		350.896.762.370	372.017.348.630
I. Vốn chủ sở hữu	410		350.896.762.370	372.017.348.630
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.22	7.271.654.085	7.271.654.085
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	15.685.664.007	13.803.447.087
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	4.357.378.677	3.886.824.447
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	23.582.065.601	47.055.423.011
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		950.083.971.679	767.186.449.980

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015

Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu

Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

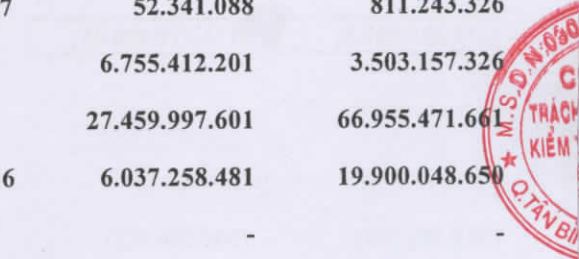
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	613.295.923.879	762.840.099.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.923.204.500	272.727.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	611.372.719.379	762.567.372.198
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	574.898.702.664	687.145.300.296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.474.016.715	75.422.071.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	764.942.939	977.969.124
7. Chi phí tài chính	22		10.200.147.118	5.390.901.563
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.200.147.118	5.390.771.982
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	112.267.777	464.256.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	6.221.959.359	7.092.568.929
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.704.585.400	63.452.314.335
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.807.753.289	4.314.400.652
12. Chi phí khác	32	VI.7	52.341.088	811.243.326
13. Lợi nhuận khác	40		6.755.412.201	3.503.157.326
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.459.997.601	66.955.471.661
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	6.037.258.481	19.900.048.650
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>21.422.739.120</u>	<u>47.055.423.011</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>714</u>	<u>1.569</u>



Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu

Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.459.997.601	66.955.471.661
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	4.523.631.744	5.996.704.048
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(651.271.669)	(802.494.454)
- Chi phí lãi vay	06		10.200.147.118	5.390.771.982
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.532.504.794	77.540.453.237
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(148.490.502.611)	(137.660.973.570)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.587.002.343)	108.856.003.141
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		166.170.922.071	(38.574.477.864)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		683.944.423	11.196.033.274
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.200.147.118)	(5.390.771.982)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(14.182.580.767)	(15.681.622.976)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		708.472.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.534.528.000)	(6.490.989.293)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.898.917.551)	(6.206.346.033)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(286.400.000)	(732.678.018)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		651.271.669	802.494.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		364.871.669	69.816.436

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	262.171.463.889	298.684.791.512
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(216.875.133.248)	(228.852.337.259)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 22	(38.980.430.975)	(44.843.677.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.315.899.666	24.988.776.978
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.218.146.216)	18.852.247.381
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	28.879.047.461	10.026.800.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.660.901.245	28.879.047.461

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu

Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các loại nhà ở; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng; Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 246 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 271 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng hóa tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05
Tài sản cố định khác	04 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính từ 01% - 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuê thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18/12
: TY
THUU
JA TU
C
HOC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	257.059.757	256.347.039
Tiền gửi ngân hàng	18.103.841.488	13.322.700.422
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng)	1.300.000.000	15.300.000.000
Cộng	<u>19.660.901.245</u>	<u>28.879.047.461</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng của hoạt động xây dựng	304.079.735.029	279.993.666.258
Các khách hàng của hoạt động bất động sản	91.648.576.131	16.809.668.325
Cộng	<u>395.728.311.160</u>	<u>296.803.334.583</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền vật tư và dịch vụ khác	110.173.142	3.651.077.264
Trả trước cho các nhà thầu phụ	127.423.021	3.354.043.978
Cộng	<u>237.596.163</u>	<u>7.005.121.242</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đất còn phải thu lại khách hàng do đã ứng trước cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	798.410.140	798.410.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	840.987.628	577.779.491
Các khoản phải thu khác	3.108.476.445	1.137.913.790
Cộng	<u>4.747.874.213</u>	<u>2.514.103.421</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	83.262.495	-
Công cụ, dụng cụ	26.700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang xây dựng	299.948.064.280	277.233.938.767
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bất động sản	113.220.124.205	88.190.359.870
Hàng hóa	-	1.266.850.000
Cộng	413.278.150.980	366.691.148.637

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	597.236.249	621.425.298
Chi phí sửa chữa xe	217.744.425	483.921.595
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	223.670.775
Cộng	814.980.674	1.329.017.668

7. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu dài hạn của khách hàng mua dự án Richtown II và nhà liên kế.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.355.130.349	18.010.377.404	17.687.974.296	2.244.953.187	1.314.511.581	49.612.946.817
Mua sắm mới	-	50.400.000	-	236.000.000	-	286.400.000
Giảm khác (*)	(10.326.818)	(374.303.332)	(88.347.619)	(930.014.428)	(548.391.552)	(1.951.383.749)
Số cuối năm	10.344.803.531	17.686.474.072	17.599.626.677	1.550.938.759	766.120.029	47.947.963.068
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	984.173.218	3.749.324.778	15.431.502.056	640.375.123	497.981.402	21.293.029.759
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.605.060.159	11.722.895.012	15.894.533.289	1.775.549.950	1.049.131.544	33.047.169.954
Khấu hao trong năm	368.557.020	2.624.268.599	1.086.036.458	179.916.900	152.608.979	4.411.387.956
Giảm khác (*)	(10.326.818)	(374.303.332)	(88.347.619)	(930.014.428)	(548.391.552)	(1.951.383.749)
Số cuối năm	2.963.290.361	13.972.860.279	16.892.222.128	1.025.452.422	653.348.971	35.507.174.161
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.750.070.190	6.287.482.392	1.793.441.007	469.403.237	265.380.037	16.565.776.863
Số cuối năm	7.381.513.170	3.713.613.793	707.404.549	525.486.337	112.771.058	12.440.788.907
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Điều chỉnh giảm tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.499.945.811	96.632.000	5.596.577.811
Giảm khác (*)	-	(35.000.000)	(35.000.000)
Số cuối năm	5.499.945.811	61.632.000	5.561.577.811
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	61.632.000	61.632.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	682.816.377	96.632.000	779.448.377
Khấu hao trong năm	112.243.788	-	112.243.788
Giảm khác (*)	-	(35.000.000)	(35.000.000)
Số cuối năm	795.060.165	61.632.000	856.692.165
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.817.129.434	-	4.817.129.434
Số cuối năm	4.704.885.646	-	4.704.885.646
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Điều chỉnh giảm tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu VND.

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.13).

10. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Bình Dương với tỷ lệ góp vốn là 2,86% vốn điều lệ của Công ty này.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	4.094.762.250	(99.669.672)	3.995.092.578
Công cụ, dụng cụ	70.237.757	(70.237.757)	-
Cộng	4.165.000.007	(169.907.429)	3.995.092.578

12. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ dài hạn:		
- Ký quỹ 10% giá trị nhà đã bán cho Chi nhánh Ngân hàng liên doanh VID Public Bình Dương	334.375.000	334.375.000
- Ký quỹ giai đoạn 1 thi công thành phố mới Bình Dương	312.840.000	312.840.000
Cộng	647.215.000	647.215.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	45.914.104.840	22.804.984.454
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	45.127.532.727	43.625.705.915
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	64.008.336.219	43.322.952.776
Cộng	<u>155.049.973.786</u>	<u>109.753.643.145</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh thanh toán của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ và điều chỉnh theo thị trường. Khoản vay này được tín chấp không có đảm bảo bằng tài sản.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được tín chấp và thế chấp một phần tài sản là quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	109.753.643.145	39.921.188.892
Số tiền vay phát sinh	262.171.463.889	298.684.791.512
Số tiền vay đã trả	(216.875.133.248)	(228.852.337.259)
Số cuối năm	<u>155.049.973.786</u>	<u>109.753.643.145</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền vật tư và dịch vụ khác	44.313.887.096	96.542.971.726
Phải trả các nhà thầu phụ	87.771.312.496	82.601.661.276
Cộng	<u>132.085.199.592</u>	<u>179.144.633.002</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền đất dự án trung tâm thương mại Mỹ Phước II	28.942.799.862	18.744.308.512
Khách hàng ứng trước tiền mua căn hộ	95.113.163.702	52.145.267.282
Công ty TNHH Nova Việt Nam ứng trước tiền xây dựng	1.518.000.000	-
Cộng	<u>125.573.963.564</u>	<u>70.889.575.794</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.095.817.456	4.691.381.405	(10.261.761.928)	4.525.436.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.902.156.802	5.418.726.081	(13.472.655.830)	1.848.227.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	881.740.537	(709.924.937)	171.815.600
Thuế thu nhập cá nhân	(346.910.664)	1.126.945.396	(824.547.845)	(44.513.113)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	19.651.063.594	12.121.793.419	(25.271.890.540)	6.500.966.473

Khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.459.997.601	66.955.471.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	82.086.402	596.243.326
Thu nhập chịu thuế	27.542.084.003	67.551.714.987
Thu nhập được miễn thuế	(100.000.000)	(300.000.000)
Thu nhập tính thuế	27.442.084.003	67.251.714.987
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.037.258.481	16.812.928.748
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	3.087.119.902
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.037.258.481	19.900.048.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	(618.532.400)	(192.087.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.418.726.081	19.707.960.686

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 phải trả công nhân viên.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá vốn đất trích trước	173.575.476.041	1.534.358.907
Chi phí khác	6.106.208	72.000.000
Cộng	<u>173.581.582.249</u>	<u>1.606.358.907</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	92.772.546	53.866.034
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.816.736.000	3.910.000.000
Bảo hành 05% giữ lại phải trả các nhà thầu	271.063.957	796.533.228
Cổ tức phải trả	408.549.750	388.980.725
Thuế thu nhập cá nhân	-	349.063.211
Cộng	<u>4.589.122.253</u>	<u>5.498.443.198</u>

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến việc bảo hành sản phẩm, hàng hóa, xây lắp công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.850.507.082	4.374.282.437
Tăng do trích lập	111.444.427	6.634.434.413
Số đã sử dụng	-	(924.169.253)
Số hoàn nhập	(5.919.825.264)	(4.234.040.515)
Số cuối năm	<u>42.126.245</u>	<u>5.850.507.082</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	-	2.625.692.605	(2.577.452.872)	48.239.733
Quỹ phúc lợi	15.024.622	197.632.776	(196.000.000)	16.657.398
Cộng	<u>15.024.622</u>	<u>2.823.325.381</u>	<u>(2.773.452.872)</u>	<u>64.897.131</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 38.980.430.975 VND (năm trước là 44.843.677.275 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	613.295.923.879	762.840.099.471
- Doanh thu hoạt động xây dựng	444.746.689.328	696.034.099.471
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	166.887.699.551	66.806.000.000
- Doanh thu bán hàng hóa	1.661.535.000	-
Hàng bán bị trả lại	(1.923.204.500)	(272.727.273)
Doanh thu thuần	<u>611.372.719.379</u>	<u>762.567.372.198</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	444.746.689.328	695.761.372.198
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	164.964.495.051	66.806.000.000
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.661.535.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động xây dựng	401.660.796.745	631.694.790.364
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	171.728.655.919	55.450.509.932
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.509.250.000	-
Cộng	<u>574.898.702.664</u>	<u>687.145.300.296</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	551.271.669	502.494.454
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	113.671.270	175.474.670
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	300.000.000
Cộng	<u>764.942.939</u>	<u>977.969.124</u>

4. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.334.212.840	4.405.887.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	283.195.647	326.112.196
Chi phí khác	1.604.550.872	2.360.569.576
Cộng	<u>6.221.959.359</u>	<u>7.092.568.929</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng nợ phải trả	5.919.825.264	4.234.040.515
Thu nhập khác	887.928.025	80.360.137
Cộng	<u>6.807.753.289</u>	<u>4.314.400.652</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hành chính	3.000.262	596.243.326
Thuế bị phạt, bị truy thu	49.086.402	-
Chi phí khác	254.424	215.000.000
Cộng	<u>52.341.088</u>	<u>811.243.326</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.422.739.120	47.055.423.011
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.422.739.120	47.055.423.011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>714</u>	<u>1.569</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	554.369.050.378	481.907.673.947
Chi phí nhân công	49.806.533.632	64.210.456.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.523.631.745	5.996.704.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.751.354.296	15.376.634.465
Chi phí khác	7.016.999.599	17.087.803.474
Cộng	<u>627.467.569.650</u>	<u>584.579.272.283</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.335.879.846	1.315.615.200
Tiền thưởng	523.269.230	476.028.400
Cộng	1.859.149.076	1.791.643.600

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (TDC)	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Công ty cổ phần phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam-Singapore (VSIP)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần công nghệ truyền thông Việt Nam (VNTT)	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Xây dựng công trình	359.801.242.687	565.233.194.965
Bán hàng hóa	1.661.535.000	-
Phí dịch vụ	219.972.535	2.352.189.119
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore		
Xây dựng công trình	44.703.497.856	5.217.573.589
Mua dịch vụ	38.559.269	-
Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Việt Nam (VNTT)		
Mua dịch vụ	10.318.333	-
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình		
Mua nguyên vật liệu	1.996.135.520	-

13-C
TƯ
ƯU H
TƯ V
C
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNGĐịa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.760.689.168
Mua bê tông	15.522.440.445	-
Mua dịch vụ	667.372.255	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua công, bê tông nhựa nóng và mua công	14.122.494.400	8.822.000.740
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Mua nguyên vật liệu	5.461.800.482	42.366.422.295
Thử mẫu bê tông	-	69.543.636
Cung cấp dịch vụ	1.386.363.636	534.545.455
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	2.965.315.455	2.713.784.545
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Xây dựng công trình	(199.104.959)	5.549.203.465
Mua dịch vụ	18.823.636	-
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)</i>		
Xây dựng công trình	-	213.636.364
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Xây dựng công trình	18.671.813.342	55.792.845.224
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua đá	1.121.215.450	780.785.350

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.13).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền đất trung tâm thương mại Mỹ Phước II	798.410.140	798.410.140
Phải thu tiền xây dựng công trình	295.216.632.549	250.721.579.622
Ký quỹ thi công công trình	312.840.000	312.840.000
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam -Singapore</i>		
Xây dựng công trình	4.069.717.916	1.515.340.891
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Xây dựng công trình	5.863.206.811	6.104.123.812



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Xây dựng công trình	801.421.464	921.729.100
<i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i>		
Xây dựng công trình	5.921.337.841	3.003.326.063
<i>Công ty cổ phần công nghệ truyền thông Việt Nam (VNTT)</i>		
Ứng trước tiền dịch vụ	37.898.366	-
Cộng nợ phải thu	<u>313.021.465.087</u>	<u>263.377.349.628</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền thuê đất, phí dịch vụ	7.959.153.931	7.717.184.142
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	3.599.216.396
Mua bê tông	8.396.565.535	-
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	19.303.147.303
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Phải trả tiền mua cốt	2.285.000.176	1.731.939.633
Thi công bê tông nhựa nóng	10.046.961.608	13.173.002.040
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.431.294.500	3.485.232.087
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Thi công công trình	-	500.000.000
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.092.200.880	858.863.885
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	120.307.636
<i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam - Singapore</i>		
Phải trả phí dịch vụ	-	4.941.268
<i>Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình</i>		
Mua nguyên vật liệu	752.542.912	3.093.985.170
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Phải trả phí dịch vụ	20.706.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>32.984.425.542</u>	<u>53.587.819.560</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Thi công các công trình xây dựng.
- Lĩnh vực bất động sản: Kinh doanh nhà dự án.
- Lĩnh vực khác: Bán hàng hóa

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên (Công ty mẹ) với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 45,66% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 75,47%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

104
ÔN
H NH
TOÁ
A
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 45.127.532.727 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 43.625.705.915 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.660.901.245	-	28.879.047.461	-	19.660.901.245	28.879.047.461
Phải thu khách hàng	487.511.973.160	-	332.225.979.583	-	471.746.030.417	332.225.979.583
Các khoản phải thu khác	1.469.132.085	-	1.469.132.085	-	1.469.132.085	1.469.132.085
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	510.642.006.490	-	364.574.159.129	-	494.876.063.747	364.574.159.129

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	155.049.973.786	109.753.643.145	155.049.973.786
Phải trả người bán	132.085.199.592	179.144.633.002	132.085.199.592	179.144.633.002
Các khoản phải trả khác	178.077.931.956	6.701.872.860	178.077.931.956	6.701.872.860
Cộng	465.213.105.334	295.600.149.007	465.213.105.334	295.600.149.007


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015


Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu


Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	300.000.000.000	7.271.654.085	11.741.299.133	3.371.287.458	51.553.698.858	373.937.939.534
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	47.055.423.011	47.055.423.011
Thù lao Hộ đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm trước	-	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	2.062.147.954	515.536.989	(5.803.698.858)	(3.226.013.915)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	7.271.654.085	13.803.447.087	3.886.824.447	47.055.423.011	372.017.348.630
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	7.271.654.085	13.803.447.087	3.886.824.447	47.055.423.011	372.017.348.630
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	21.422.739.120	21.422.739.120
Thù lao Hộ đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm nay	-	-	-	-	(720.000.000)	(720.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.882.216.920	470.554.230	(5.176.096.530)	(2.823.325.380)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(39.000.000.000)	(39.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	7.271.654.085	15.685.664.007	4.357.378.677	23.582.065.601	350.896.762.370



Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu



Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	164.964.495.051	444.746.689.328	1.661.535.000	-	611.372.719.379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.964.495.051	444.746.689.328	1.661.535.000	-	611.372.719.379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(6.876.428.645)	43.085.892.583	152.285.000	-	36.361.748.938
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(6.221.959.359)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					30.139.789.579
Doanh thu hoạt động tài chính					764.942.939
Chi phí tài chính					(10.200.147.118)
Thu nhập khác					6.807.753.289
Chi phí khác					(52.341.088)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.037.258.481)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					21.422.739.120
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	286.400.000	-	-	286.400.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	4.693.539.173	-	-	4.693.539.173
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	66.806.000.000	695.761.372.198	-	-	762.567.372.198
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.806.000.000	695.761.372.198	-	-	762.567.372.198
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.891.233.869	64.066.581.834	-	-	74.957.815.703
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.092.568.929)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					67.865.246.774
Doanh thu hoạt động tài chính					977.969.124
Chi phí tài chính					(5.390.901.563)
Thu nhập khác					4.314.400.652
Chi phí khác					(811.243.326)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.900.048.650)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					47.055.423.011
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	889.769.638	-	-	889.769.638
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	16.974.607.678	-	-	16.974.607.678
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-



Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu



Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	298.626.135.104	625.719.002.603	-	-	924.345.137.707
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					25.738.833.972
Tổng tài sản					950.083.971.679
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	297.673.565.850	1.518.000.000	-	-	299.191.565.850
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					299.995.643.459
Tổng nợ phải trả					599.187.209.309
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	142.133.237.826	564.545.566.267	1.266.850.000	-	707.945.654.093
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					59.240.795.887
Tổng tài sản					767.186.449.980
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	59.530.133.271	18.744.308.512	-	-	78.274.441.783
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					316.894.659.567
Tổng nợ phải trả					395.169.101.350

Bình Dương, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Lương Thị Quỳnh Hoa
Người lập biểu



Hồ Minh Diễm Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc